

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ 2 - LSDL 8

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cách mạng Tân Hợi là?

- A. Cuộc cách mạng tư bản chủ nghĩa C. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản
B. Cuộc cách mạng vô sản D. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

Câu 2. Kết quả quan trọng nhất của Cách mạng Tân Hợi là?

- A. Lật đổ triều đại Mãn Thanh
B. Chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc
C. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển
D. Kim hãm kinh tế phát triển

Câu 3. Đến cuối thế kỉ XIX, thực dân Anh đã chiếm được vùng đất nào của Trung Quốc?

- A. Sơn Đông. C. Châu thổ sông Trường Giang.
B. Đông Bắc. D. Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây.

Câu 4. Đến cuối thế kỉ XIX, vùng Sơn Đông của Trung Quốc đã trở thành khu vực ảnh hưởng của đế quốc nào?

- A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Nga.

Câu 5. Ngày 10/10/1911, Trung Quốc Đồng minh hội phát động cuộc khởi nghĩa ở đâu?

- A. Vũ Xương. B. Nam Kinh. C. Tứ Xuyên. D. Hà Bắc.

Câu 6. Bản Hiệp ước nào dưới đây đánh dấu Trung Quốc chính thức trở thành một nước phong kiến, nửa thuộc địa?

- A. Hiệp ước Tân Sửu. C. Hiệp ước Hoàng Phố.
B. Hiệp ước Nam Kinh. D. Hiệp ước Nhâm Tuất.

Câu 7. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là gì?

- A. Hàm Nghi. B. Minh Mạng. C. Thành Thái. D. Gia Long.

Câu 8. Về cơ cấu hành chính, dưới thời vua Gia Long, đứng đầu khu vực Bắc thành và Gia Định thành là gì?

- A. Tổng trấn. B. Trấn thủ. C. Tuần phủ. D. Huyện lệnh.

Câu 9. Đầu thời Nguyễn, hoạt động buôn bán phát triển thuận lợi nhờ chính sách nào?

- A. Khuyến khích thương nhân phương Tây đến buôn bán.
B. Cấm họp chợ; nhà nước nắm độc quyền ngoại thương.
C. Cải cách tiền tệ (tiền đồng); thống nhất đơn vị đo lường.
D. Cho phép thương nhân nước ngoài tự do buôn bán.

Câu 10. Để củng cố bộ đồ tư tưởng cho chính quyền chuyên chế, nhà Nguyễn thi hành chính sách gì đối với tôn giáo?

- A. Bài trừ, ngăn cấm sự phát triển của Nho giáo.
B. Loại bỏ dần Nho giáo ra khỏi các lễ nghi của triều đình.
C. Độc tôn Nho giáo, hạn chế hoạt động của các tôn giáo khác.
D. Phát triển đồng thời Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo.

Câu 11. Bộ “Hoàng Việt luật lệ” được ban hành dưới thời Nguyễn còn được gọi là gì?

- A. Luật Gia Long. B. Quốc triều hình luật. C. Hình thư. D. Luật Hồng Đức.

Câu 12. Nhà Nguyễn thực thi “bang giao triều cống” đối với quốc gia nào?

- A. Mãn Thanh. B. Xiêm. C. Chân Lạp. D. Lào.

Câu 13. Một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của thi hào Nguyễn Du là gì?

- A. “Cung oán ngâm khúc”. C. “Đoạn trường tân thanh”.
B. “Chinh phụ ngâm khúc”. D. “Phủ biên tạp lục”.

Câu 14. Hai giai cấp cơ bản trong xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX là gì?

- A. nông dân và công nhân. C. tư sản và vô sản.
B. địa chủ và nông dân. D. địa chủ và tư sản.

Câu 15. Năm 1816, vua Gia Long lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để làm gì?

- A. khai thác sản vật (tôm, cá,...). C. xem xét, đo đạc thủy trình.
B. cứu hộ tàu thuyền gặp nạn. D. dựng miếu thờ và vẽ bản đồ.

Câu 16. Tháng 9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã chọn địa điểm nào để mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Đà Nẵng. B. Gia Định C. Hà Nội. D. Thuận An.

Câu 17. Sau thất bại tại Đà Nẵng, tháng 2/1859, thực dân Pháp buộc phải chuyển quân vào tỉnh nào?

- A. Gia Định. B. Vĩnh Long. C. Hà Tiên. D. An Giang.

Câu 18. Đầu năm 1861, Pháp tập trung lực lượng tấn công Đại đồn Chí Hòa, đánh chiếm Gia Định, tiếp đó, mở rộng đánh chiếm các tỉnh nào?

- A. Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long. C. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.
B. Hà Tiên, An Giang, Vĩnh Long. D. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Câu 19. Địa danh lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố dân gian sau:

*“Sông nào tàu giặc chìm sâu
Anh hùng Trung Trục đi vào sử xanh?”*

- A. Sông Bạch Đằng. C. Sông Vàm Cỏ Đông.
B. Sông Gianh. D. Sông Tô Lịch.

Câu 20. Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương khi đang ở đâu?

- A. Kinh đô Huế. C. Sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị).
B. Căn cứ Ba Đình (Thanh Hóa). D. Đồn Mang Cá (Huế).

Câu 21. Cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất và kéo dài nhất trong phong trào chống Pháp cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là cuộc khởi nghĩa nào?

- A. khởi nghĩa Hương Khê. C. khởi nghĩa Bãi Sậy.
B. khởi nghĩa Ba Đình. D. khởi nghĩa Yên Thế.

Câu 22. Chiều ngày 18/8/1883, quân Pháp mở cuộc tấn công vào đâu?

- A. cửa biển Thuận An. C. thành Hà Nội.
B. Hoàng thành Huế. D. thành Gia Định.

Câu 23. Nghĩa quân Bãi Sậy hoạt động chủ yếu ở tỉnh nào?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Hưng Yên.

Câu 24. Quy mô của khởi nghĩa Hương Khê lan rộng khắp 4 tỉnh nào?

- A. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
B. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị.
C. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.
D. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.

Câu 25. Ở miền núi, lượng mưa lớn gây ra hiện tượng nào sau đây?

- A. Xói mòn, rửa trôi. C. Hạn hán, bóc mòn
B. Sạt lở, cháy rừng. D. Xâm thực, bồi tụ.

Câu 26. Đất mùn núi cao được dùng vào mục đích nào dưới đây?

- A. Trồng rừng đầu nguồn. C. Trồng cây công nghiệp.
B. Trồng cây ăn quả. D. Trồng rau quả ôn đới.

Câu 27. Đất mùn núi cao phân bố rải rác ở các khu vực núi có độ cao từ bao nhiêu đến bao nhiêu?

- A. 1400 - 1500m trở lên. C. 1600 - 1700m trở lên.
B. 1500 - 1600m trở lên. D. 1700 - 1800m trở lên.

Câu 28. Đất phèn có đặc điểm nào sau đây?

- A. Giàu dinh dưỡng, nghèo mùn. C. Nhiều cát biển, phù sa tơi xốp.
B. Đất bị chua, nghèo dinh dưỡng. D. Có màu nâu, tơi xốp và ít chua.

Câu 29. Ở nước ta, vùng nào sau đây có nguy cơ hoang mạc hóa cao nhất?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 30. Trong nông nghiệp, đất feralit được khai thác và sử dụng chủ yếu để trồng loại cây nào sau đây?

- A. Cây lương thực.
- B. Cây công nghiệp.
- C. Cây lúa nước.
- D. Cây hàng năm.

Câu 31. Dải đất bãi bồi ven biển là môi trường sống thuận lợi cho hệ sinh thái nào sau đây?

- A. Rừng ngập mặn.
- B. Rừng thưa rụng lá.
- C. Rừng ôn đới.
- D. Rừng tre nứa

Câu 32. Rừng thưa rụng lá phát triển ở vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Tây Nguyên.
- B. Hoàng Liên Sơn.
- C. Việt Bắc
- D. Đông Bắc.

Câu 33. Diện tích đất bị thoái hoá ở Việt Nam khoảng bao nhiêu triệu ha?

- A. 12 triệu ha.
- B. 11 triệu ha.
- C. 10 triệu ha.
- D. 13 triệu ha.

Câu 34. Trong hệ sinh thái tự nhiên trên cạn, hệ sinh thái nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất?

- A. Rừng kín thường xanh.
- B. Rừng nhiệt đới gió mùa.
- C. Rừng ôn đới trên núi.
- D. Rừng tre nứa, trảng cỏ.

Câu 35. Biểu hiện của sự suy giảm về số lượng cá thể và loài sinh vật là gì?

- A. nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng.
- B. phạm vi phân bố loài tăng nhanh.
- C. nhiều hệ sinh thái rừng bị phá hủy.
- D. xuất hiện nhiều loài mới do lai tạo.

Câu 36. Yếu tố quyết định tính ổn định của các hệ sinh thái tự nhiên là gì?

- A. môi trường sống.
- B. khoa học kĩ thuật.
- C. đa dạng sinh học.
- D. diện tích rừng lớn.

Câu 37. Vùng biển Việt Nam có mấy bộ phận?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 38. Ở nước ta, vùng biển nào sau đây tiếp liền với đất liền?

- A. Nội thủy.
- B. Lãnh hải.
- C. Thềm lục địa.
- D. Tiếp giáp lãnh hải.

Câu 39. Lãnh hải nước ta rộng bao nhiêu hải lí?

- A. 12.
- B. 14.
- C. 13.
- D. 11.

Câu 40. Biển Đông có các vịnh biển lớn nào sau đây?

- A. Thái Lan và Đà Nẵng.
- B. Bắc Bộ và Thái Lan.
- C. Vân Phong và Thái Lan.
- D. Cam Ranh và Bắc Bộ.

Câu 41. Biển Đông thuộc đại dương nào sau đây?

- A. Đại Tây Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Nam Đại Dương.
- D. Ấn Độ Dương.

Câu 42. Đường cơ sở là đường thẳng gãy khúc nối liền với bao nhiêu điểm có tọa độ xác định?

- A. 11 điểm có tọa độ xác định.
- B. 12 điểm có tọa độ xác định.
- C. 13 điểm có tọa độ xác định.
- D. 14 điểm có tọa độ xác định

Câu 43. Gió thổi trên Biển Đông theo 2 hướng chính nào dưới đây?

- A. Tây Nam và Đông Bắc.
- B. Hướng Nam và Tây Nam.
- C. Tây Bắc và Đông Nam.
- D. Hướng Bắc và Đông Bắc.

Câu 44. Thành phần tự nhiên nào ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất của Biển Đông?

- A. Địa hình.
- B. Khí hậu.
- C. Sinh vật.
- D. Đất đai.

Câu 45. Độ muối trung bình của vùng biển Việt Nam là khoảng bao nhiêu phần trăm độ?

- A. 31 - 32‰.
- B. 32 - 33‰.
- C. 33 - 34‰.
- D. 34 - 35‰.

Câu 46. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây ở nước ta?

- A. Khánh Hòa.
- B. Đà Nẵng.
- C. Ninh Thuận.
- D. Phú Yên.

Câu 47. Địa hình thềm lục địa ở miền Trung nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hẹp và sâu.
- B. Bằng phẳng.
- C. Rộng, nông.
- D. Nông và hẹp.

Câu 48. Khoáng sản nào sau đây có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng biển nước ta?

- A. Băng cháy.
- B. Dầu khí.
- C. Muối biển.
- D. Sa khoáng.

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày quá trình Nhà Nguyễn thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

- Nhà Nguyễn tiếp tục quản lý và khai thác vùng quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa:
 - + Năm 1803, Hải đội Hoàng Sa tái lập trở lại.
 - + Năm 1816, vua Gia Long “lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để xem xét, đo đạc thủy trình” tái xác nhận chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
 - + Từ thời vua Minh Mạng, việc thực thi chủ quyền trên biển do vua trực tiếp kiểm tra giám sát.

Câu 2: Đóng góp của vua Gia Long đối với việc thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

- + Đặt hai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong cơ cấu hành chính của Việt Nam
- + Năm 1803, vua Gia Long cho tái lập lại hai hải đội Hoàng Sa và Bắc Hải, biên chế nằm trong lực lượng quân đội, với nhiệm vụ thực thi chủ quyền của Việt Nam trên cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- + Năm 1816, vua Gia Long sai thủy quân triều đình phối hợp với đội Hoàng Sa ra thăm dò, đo đạc thủy trình và cắm cờ khẳng định chủ quyền trên 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Câu 3: Đóng góp của vua Minh Mạng: tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thực thi chủ quyền trên quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa, ví dụ như:

- + Việc đo đạc thủy trình kết hợp với vẽ bản đồ được quan tâm thực hiện, nhà vua đã cho dựng miếu thờ và trồng cây xanh ở quần đảo Hoàng Sa,...
- + Năm 1838, Quốc sử quán triều Nguyễn đã cho vẽ bản đồ Đại Nam nhất thống toàn đồ thể hiện quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.
- + Cho khắc hình các cửa biển quan trọng và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lên Cửu Đỉnh,...

Câu 4: Tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật

- Tích cực:

- + Giúp con người thực hiện những bước nhảy vọt chưa từng thấy về sản xuất và năng suất lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- + Đưa tới những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư lao động, tỉ lệ dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp giảm dần, tỉ lệ dân cư lao động trong các ngành dịch vụ tăng lên.

- Tiêu cực:

- + Tạo ra các loại vũ khí, phương tiện quân sự có sức tàn phá và hủy diệt lớn.
- + Vấn đề nhiễm môi trường, nhiễm phóng xạ nguyên tử, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, dịch bệnh, những đe dọa về đạo đức, an ninh xã hội đối với con người.

Câu 5. Nêu đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam.

- Sinh vật nước ta rất phong phú và đa dạng: Trước hết là sự đa dạng về thành phần loài, sự đa dạng về gen di truyền, sự đa dạng về kiểu hệ sinh thái và sau nữa là sự đa dạng về công dụng của các sản phẩm sinh học.
- Trên đất liền, hình thành đới rừng nhiệt đới gió mùa và trên Biển Đông hình thành một hệ sinh vật biển nhiệt đới vô cùng giàu có.
- Do tác động của con người, nhiều hệ sinh thái tự nhiên (rừng, biển ven bờ) bị tàn phá, biến đổi và suy giảm về chất lượng và số lượng.

Câu 6. Trình bày những nét đặc trưng của sinh vật nước ta.

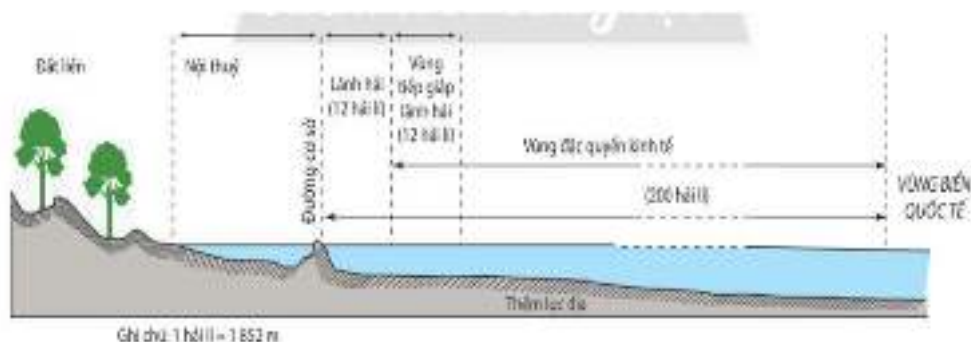
- Đa dạng về thành phần loài: Ở nước ta đã phát hiện hơn 50.000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 20.000 loài thực vật, 10.500 loài động vật trên cạn. Ngoài ra, còn có rất nhiều loài động vật biển, vi sinh vật,...

- Đa dạng về nguồn gen di truyền: trong mỗi loài lại có số lượng cá thể rất lớn, tạo nên sự đa dạng của nguồn gen di truyền.
- Đa dạng về hệ sinh thái: hệ sinh thái tự nhiên trên cạn, hệ sinh thái tự nhiên dưới nước, hệ sinh thái nông nghiệp.

Câu 7. Biện pháp để bảo tồn đa dạng sinh học ở nước ta.

- Thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và Luật Đa dạng sinh học ở nước ta.
- Hạn chế khai thác bừa bãi các loài động - thực vật quý hiếm để đảm bảo số lượng cá thể mỗi loài.
- Cấm buôn bán, xuất khẩu các loài động - thực vật quý hiếm đặc biệt.
- Tích cực trồng cây để bảo vệ môi trường.

Câu 8. Dựa vào hình, em hãy nêu khái niệm các vùng biển của Việt Nam ở biển Đông.



Hình 14.4. Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam (theo Luật biển Việt Nam năm 2012)

- Đường cơ sở: dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam, là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố.
- Nội thủy: Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.
- Lãnh hải: Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.
- Vùng tiếp giáp lãnh hải: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
- Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.
- Thềm lục địa: Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Ranh giới ngoài thềm lục địa cách đường cơ sở không quá 350 hải lý.

CHÚC CÁC ◻M HỌC TỐT.